

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng đường bộ

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

2. Ngày tháng năm sinh: 06/04/1978; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Kỳ Ninh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 164/8 Man Thiện, Khu Phố 5, P.Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 164/8 Man Thiện, Khu Phố 5, P.Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0915.110918;

E-mail: trongnd_ph@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2002 đến 2003: Trợ giảng, Bộ môn Đường bộ cơ sở II, Liên bộ môn công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải - Cơ sở II;

Từ năm 2003 đến 2016: Giảng viên, Bộ môn Đường bộ cơ sở II, Liên bộ môn công trình, Trường Đại học Giao thông vận tải - Cơ sở II;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ năm 2016 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Đường bộ và Đường sắt, Khoa Công trình Phân hiệu, Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP.HCM;

Cơ quan công tác hiện nay: Phân hiệu Trường Đại học Giao thông vận tải tại TP.HCM.

Địa chỉ cơ quan: Số 450-451 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại cơ quan: 028.38966798

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 09 năm 2001; số hiệu bằng: B 289865; ngành: Xây dựng cầu đường. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam;

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 28 tháng 08 năm 2006; số bằng: 722; ngành: Kỹ thuật (Xây dựng Công trình giao thông), Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam;

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 20 tháng 02 năm 2014; số hiệu: 002947; ngành: Kỹ thuật xây dựng Công trình giao thông, Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học Giao thông vận tải, Việt Nam;

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giao thông vận tải

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu bê tông xi măng sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường trong xây dựng công trình Đường bộ.

- Nghiên cứu vật liệu địa phương trong xây dựng kết cấu áo đường ô tô.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng): 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 cấp cơ sở (chủ nhiệm);

- Đã công bố (số lượng): 35 bài báo khoa học, trong đó có 04 bài báo thuộc danh mục SCIE, 02 bài báo thuộc danh mục ESCI, 03 bài báo hội thảo danh mục Scopus;

- Đã được cấp (số lượng) : 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 cuốn sách tham khảo (vai trò là chủ biên) thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học : 2012-2013; 2013-2014; 2014-2015; 2017-2018; 2018-2019; 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022.

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm học 2013-2014.

- Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015 về thành tích xuất sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố phía Nam liên tục nhiều năm nhân kỷ niệm 25 năm thành lập đơn vị (1990-2015).

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2019-2020 đến năm học 2020-2021.

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2022-2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định) : Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo :

Ứng viên là nhà giáo có thâm niên giảng dạy 21 năm tại Phân hiệu trường Đại học Giao thông vận tải tại TP.HCM (Trước đây là Trường Đại học Giao thông vận tải - Cơ sở 2). Nhiều sinh viên và học viên cao học mà ứng viên giảng dạy, hướng dẫn sau khi tốt nghiệp đã được các công ty, viện nghiên cứu trong ngành Giao thông vận tải đánh giá cao. Một số người đã trở thành giảng viên, nhà khoa học, chuyên gia của các trường đại học và có những đóng góp nhất định cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản lý nhà nước trong lĩnh vực Giao thông vận tải nói chung và Xây dựng Đường bộ nói riêng. Ứng viên tự đánh giá bản thân như sau :

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt trong hoạt động giảng dạy, NCKH và sinh hoạt ;
- Đảm bảo đủ sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy ;
- Đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, có bằng đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phù hợp với ngành giảng dạy đại học ;
- Hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được giao ;
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy ;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy chế, nội quy, quy định của Nhà trường, tuân thủ luật pháp của Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên :

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo : 21 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS) :

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				12	316		316/658,4/270
2	2019-2020				12	254		254/591,3/270
3	2020-2021			03	09	227	45	272/635,5/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022			03	10	224	90	314/692,6/270
5	2022-2023			01	08	221	45	266/512,3/250
6	2023-2024			01	09	291		291/534,5/250

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Cửu Long; số hiệu: 007322; số vào sổ gốc cấp văn bằng: 1393/NA6/VB2-2023; năm cấp: 2023

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Ngôn ngữ Anh.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hồ Văn Đức		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
2	Nguyễn Hữu Phương		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
3	Tạ Mộng Thành		X	X		2020-2021	Trường ĐH GTVT	16/04/2021
4	Lâm Chí Đạt		X	X		2021-2022	Trường ĐH GTVT	20/01/2022
5	Đặng Quang Duy		X	X		2021-2022	Trường ĐH GTVT	20/01/2022
6	Nguyễn Hoàng Vũ		X	X		2021-2023	Trường ĐH GTVT	28/02/2023
7	Dương Nguyễn Thân		X	X		2019-2022	Trường ĐH GTVT	22/07/2022
8	Trần Công Út		X	X		2022-2023	Trường ĐH GTVT	29/12/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Sử dụng chất thải công nghiệp trong xây dựng đường ô tô	TK	NXB. Xây dựng, năm 2023	03	x	Chương 1 (7 – 59); Chương 3 (116 – 153); Chương 4 (156 – 169); Chương 5 (172 – 257)	Văn bản xác nhận của Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu sử dụng tro bay tại chỗ để sản xuất bê tông xi măng trong xây dựng đường ô tô tại tỉnh Trà Vinh	CN	T2019-PHIL-004, Cấp cơ sở	01/2019-12/2019	18.12.2019/ Xếp loại Tốt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng độ góc cạnh của cốt liệu nhỏ đến cường độ và độ bền của bê tông xi măng trong xây dựng đường ô tô	CN	T2021-PHIL-004 Cấp cơ sở	01/2021-12/2021	17.12.2021/ Xếp loại Tốt
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của loại cốt liệu nhỏ đến cường độ và độ mài mòn của bê tông đầm lăn sử dụng cốt liệu lớn xi thép	CN	T2023-PHIL-CT-004 Cấp cơ sở	01/2023-12/2023	22.12.2023/ Xếp loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
I	Một số vấn đề về vật liệu và sử dụng vật liệu địa phương tại khu vực Đông Nam Bộ vào xây dựng đường ô tô	01	X	Tạp chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải (ISSN 1859-2724)			25, 82-89 và 166	3/2009

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2	Nghiên cứu xác định một số chỉ tiêu của bê tông xi măng sử dụng hỗn hợp cát xay tại khu vực Đông Nam Bộ và cát mịn	01	X	Tạp chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải (ISSN 1859-2724)			37, 20-24	3/2012
3	Đánh giá chất lượng cát xay được sản xuất từ các mỏ đá khác nhau ở khu vực Đông Nam Bộ và kiến nghị giải pháp sử dụng cát xay trong sản xuất bê tông xi măng	01	X	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam (ISSN 1859-459X)			4/2012, 21-25 và 53	4/2012
4	Nghiên cứu một số tính chất của bê tông xi măng dùng hỗn hợp cát xay Đông Nam Bộ và cát mịn có sử dụng tro bay	01	X	Tạp chí Cầu Đường Việt Nam (ISSN 1859-459X)			11+12/2012, 81-86	12/2012
5	Nghiên cứu thực nghiệm bê tông xi măng sử dụng hỗn hợp cát xay-cát mịn ở khu vực Đông Nam Bộ trong xây dựng mặt đường ô tô	01	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 0866-7012)			11/2013, 12-13 và 24	11/2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
6	Hiệu quả sử dụng phụ gia siêu dẻo trong bê tông xi măng dùng hỗn hợp cát nghiền và cát mịn tự nhiên tại khu vực Đông Nam Bộ	01	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			6/2015, 43-45	6/2015
	https://tapchigiaothong.vn/nghien-cuu-thuc-nghiem-ve-be-tong-dam-lan-su-dung-hon-hop-cat-min-tu-nhien-va-cat-nghien-tai-khu-vuc-dong-nam-bo-18317611.htm							
7	Nghiên cứu thực nghiệm về bê tông đầm lăn sử dụng hỗn hợp cát mịn tự nhiên và cát nghiền tại khu vực Đông Nam Bộ	01	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			11/2015, 81-83	11/2015
	https://tapchigiaothong.vn/nghien-cuu-thuc-nghiem-ve-be-tong-dam-lan-su-dung-hon-hop-cat-min-tu-nhien-va-cat-nghien-tai-khu-vuc-dong-nam-bo-18317611.htm							
8	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng tro bay đến tính chất của bê tông đầm lăn sử dụng hỗn hợp cát mịn tự nhiên và cát nghiền	01	X	Tạp chí Khoa học Giao Thông Vận Tải (ISSN 1958 -2724)			51, 43-47	4/2016
9	Một nghiên cứu thực nghiệm về cấp phối đá dăm gia cố xi măng từ vật liệu tại mỏ đá Phước Tân- Đồng Nai trong xây dựng kết cấu áo đường	03		Trường Đại học Thủy Lợi (ISBN 978-604-82-1980-2)			38-40	11/2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

[illegible]

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
29	Nghiên cứu xác định một số chỉ tiêu của bê tông đầm lăn sử dụng cốt liệu lớn xi thép trong xây dựng kết cấu áo đường ô tô	01	X	Tạp chí Khoa học công nghệ Giao Thông Vận Tải (ISSN 1859 – 4263)			12,6, 13-20	10/2023
https://www.doi.org/10.55228/JTST.12(6).13-20								
30	Nghiên cứu tỷ lệ phối trộn hợp lý giữa xi thép và đá mi gia cố xi măng trong xây dựng kết cấu áo đường ô tô	02	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			734, 63-66	10/2023
31	Ảnh hưởng hàm lượng cốt liệu lớn xi thép đến tính chất của bê tông đầm lăn sử dụng cát nghiền trong xây dựng kết cấu áo đường	01	X	Tạp chí Khoa học Giao Thông Vận Tải (ISSN 1859 – 2724)			75, 2, 1239-1248	02/2024
https://tcsj.utc.edu.vn/index.php/tcgtvt/article/view/1768								
32	Comparison of fresh and hardened properties of concrete made with various artificial and natural sands	02	X	Magazine of Concrete Research (ISSN 0024-9831, e-ISSN 1751-763X)	ISI-SCIE (IF2020= 2.503, Q1)		76, 14, 783-804	03/2024
https://www.icevirtuallibrary.com/doi/abs/10.1680/jmacr.23.00051								
33	Nghiên cứu hiệu quả kinh tế và kỹ thuật khi sử dụng cát đồi sản xuất bê tông xi măng ở khu vực Đông Nam Bộ	02	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			64, 740, 40-44	04/2024

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
34	Evaluation the effects of hybrid sand on mechanical properties of roller-compacted concrete using uncompacted void content value	02	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			64, 742, 28-31	06/2024
35	Ảnh hưởng của hàm lượng tro bay đến một số tính chất của bê tông xi măng khi sử dụng phụ gia siêu dẻo MasterGlenium Sky 8718	01	X	Tạp chí Giao Thông Vận Tải (ISSN 2354 – 0818)			64, 742, 52-55	06/2024

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 5 bài (số thứ tự 22, 24, 25, 26, 32).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: không

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: *không*

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: *không*

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không thiếu

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Đủ cả 06 năm học

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đủ cả 06 năm học

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đủ cả 06 năm học

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: Đủ số lượng so với quy định

c) Nghiên cứu khoa học : Đủ CTKH và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định.

Đối chiếu theo các quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để đăng ký xét công nhận chức danh Phó giáo sư. Vì vậy, ứng viên không đề xuất các công trình khoa học thay thế cho các tiêu chuẩn không đủ so với quy định.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP.HCM, ngày 26 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Trọng